

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20/6/2022

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Anh Dũng – cán bộ hưu;

2. Ông Đào Xuân Hải – cán bộ hưu;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022. Về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2022; quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thân Nhân Ch, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang “Có mặt”.

2. Bị đơn: Chị Giáp Thị B, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Thôn L, xã LC, huyện Y, tỉnh Bắc Giang “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Thân Nhân C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Giáp Thị B kết hôn trên cơ sở có tình hiểu thời gian ngắn, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Y năm 2019. Sau khi kết chị B về gia đình anh sinh sống và làm dâu ngay, thời gian đầu có hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó đến tháng 8 năm 2021, vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp nhau, bất đồng quan điểm về vấn đề con cái cũng như cuộc sống hằng ngày dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi nhau. Vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không quan tâm và cắt đứt liên lạc với nhau. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Giáp Thị B.

Về con chung: Quá trình chúng sống, vợ chồng anh không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp thời gian ở chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Giáp Thị B vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị B, tiến hành xác minh, làm việc tại nơi cư trú của chị B. Tuy nhiên, chị B không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án làm việc theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS, còn bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Thân Nhân C được ly hôn với chị Giáp Thị B.

Về con chung: Anh C và chị B không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Thân Nhân C phải chịu 300.000đ, nhưng trừ vào 300.000đ anh C đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y ngày 25 tháng 3 năm 2022.

Ngoài ra còn xử lý về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Giáp Thị B có nơi cư trú tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang là đúng qui định.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Anh Thân Nhân C có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Giáp Thị B, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.3] Về sự vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn chị Giáp Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên chị B không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý

do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng qui định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Thân Nhân C và chị Giáp Thị B kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Vân, huyện Y, tỉnh Bắc Giang ngày 05/3/2019, do vậy đây hôn nhân hợp pháp. Cưới xong chị B về gia đình làm dâu ngay, thời gian đầu có hòa thuận, hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên mâu thuẫn trầm trọng hơn vào tháng 8 năm 2021, nguyên nhân nguyên nhân không hợp nhau, bất đồng quan điểm về vấn đề con cái cũng như cuộc sống hằng ngày dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Qua kết quả làm việc với địa phương và gia đình chị Giáp Thị B ông Giáp Văn Hoàn bố đẻ chị B cung cấp: Sau khi kết hôn chị B về gia đình anh C làm dâu, ban đầu có hòa thuận, hạnh phúc, đến giữa năm 2021, vợ chồng anh C, chị B có xảy ra mâu thuẫn, anh C đánh chị B nên chị B đã về gia đình ông sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị B đi làm xa thì thoải mái về nhà, bận không đến Tòa án làm việc, khi nào có bản án thì chị B đến Tòa án nhận. Từ đó có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử, nhận thấy: Cuộc sống vợ chồng giữa anh C và chị B đã có mâu thuẫn xảy ra, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, hai bên sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Nên cần xử cho anh Thân Nhân C được ly hôn với chị Giáp Thị B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Anh Thân Nhân C và chị Giáp Thị B không có con chung, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung*: Anh Thân Nhân C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Thân Nhân C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Thân Nhân C được ly hôn với chị Giáp Thị B.

2. Về án phí: Anh Thân Nhân C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh C đã nộp tại biên lai thu số: 0011567 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- CCTHADS Y;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hs vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thị Hương Giang

